

CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP TỈNH TRÀ VINH: XU THẾ THAY ĐỔI VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

● VÕ THẾ TRƯỜNG

TÓM TẮT:

Bài báo tập trung vào, đánh giá quá trình dịch chuyển cơ cấu nông nghiệp theo nghĩa hẹp của tỉnh Trà Vinh và rút ra những hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy quá trình này. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả với số liệu thống kê của tỉnh Trà Vinh để đạt được mục tiêu đặt ra. Kết quả cho thấy: Cơ cấu nông nghiệp theo ngành đã có sự chuyển dịch nhất định nhưng vẫn chậm, chất lượng chưa cao; Cơ cấu theo lãnh thổ đang có sự thay đổi tích cực để từng bước hình thành các vùng tập trung sản xuất lớn hơn, tuy nhiên sự thay đổi còn chậm, tính phân tán còn khá cao, nhất là về nguồn lực.

Từ khóa: Cơ cấu nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, cơ cấu theo lãnh thổ.

I. Đặt vấn đề

Chuyển dịch cơ cấu (CDCC) nông nghiệp rất được quan tâm bởi nhiều nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách. CDCC nông nghiệp thể hiện rõ nhất bản chất quá trình phân bổ nguồn lực của nền kinh tế, quyết định năng lực và sản lượng nông nghiệp.

Nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đã có sự phát triển khá nhanh và đóng góp lớn vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Tuy nhiên tăng trưởng nông nghiệp khá biến động và tăng trưởng vẫn trong tình trạng chi phí trung gian khá cao, phân bổ nguồn lực chưa thực sự hợp lý và hiệu quả và năng suất chưa thật cao; hiệu quả sản xuất nông nghiệp không cao. Thực trạng trên một phần là do cơ cấu nông nghiệp của tỉnh chưa hiện đại, chuyển dịch chậm, chất lượng chưa cao; tiềm năng và dư địa cho chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chưa được khai thác. Chính vì vậy rất cần thiết phải có một nghiên cứu về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của tỉnh nhằm

đánh giá chính xác quá trình này và kiến nghị các hàm ý chính sách cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách địa phương. Đó là lý do để thực hiện của bài báo này.

II. Tổng quan nghiên cứu

Quan niệm về cơ cấu nông nghiệp có nhiều và tùy theo cách tiếp cận khác nhau. Nếu theo cách tiếp cận hệ thống thì nền sản xuất nông nghiệp với nhiều bộ phận cấu thành và các kiểu cơ cấu hợp thành của sản xuất nông nghiệp. Theo thời gian khi nền sản xuất này vận động và phát triển thì các bộ phận và các kiểu cơ cấu nông nghiệp cũng thay đổi. Từ đó theo Vũ Tuấn Anh (1982)[6] có thể coi cơ cấu ngành kinh tế là tổng thể những mối quan hệ về số lượng và chất lượng giữa các ngành trong tổng thể kinh tế, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số và chất lượng giữa các ngành với nhau. Cơ cấu nông nghiệp cũng như cơ cấu nền kinh tế luôn thay đổi theo thời gian phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.

Bùi Quang Bình (2010) [1] cho rằng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp là sự thay đổi của cơ cấu kinh tế theo thời gian từ trạng thái và trình độ này tới một trạng thái và trình độ khác phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và các điều kiện vốn có nhưng không lặp lại trạng thái cũ. Chính điều này mà cơ cấu kinh tế phản ánh sự thay đổi về chất và là cơ sở để so sánh các giai đoạn phát triển.

A. Fisher (1935) [7] cho rằng lao động sẽ chuyển dần từ khu vực sơ cấp - có năng suất thấp sang cấp hai và một phần cấp 3 có năng suất cao.

Theo Lê Quốc Doanh và các tác giả (2006) [3], đóng góp của ngành chịu ảnh hưởng nhiều từ tự nhiên như trồng trọt... giảm dần trong khi đóng góp của ngành ít chịu ảnh hưởng từ tự nhiên như chăn nuôi, dịch vụ... tăng dần. Đây có thể coi là xu thế thay đổi mang tính quy luật dài hạn.

Lê Xuân Bá và các cộng sự (2006) [4] cho rằng sự thay đổi cơ cấu phân bổ đất và các yếu tố khác đã làm thay đổi cơ cấu lao động từng vùng ở nông thôn, đây là cơ sở hình thành vùng chuyên môn hóa và động lực phát triển nông nghiệp.

III. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu sẽ là Phương pháp phân tích thống kê mô tả bao gồm phương pháp đồ thị và bảng thống kê để tổng hợp: Nghiên cứu này sử dụng hệ thống các loại đồ thị toán học và những bảng thống kê số liệu theo chiều dọc và chiều ngang mô tả hiện trạng cơ cấu, CDCC nông nghiệp của tỉnh, từ đó tổng hợp đánh giá xu thế CDCC nông nghiệp trong những điều kiện thời gian cụ thể; Phương pháp số bình quân, số tương đối, phân tích tương quan, phương pháp dãy số thời gian... để phân tích CDCC ngành kinh tế. Các phương pháp này đã được một số nhà nghiên cứu đã sử dụng như của Nguyễn Kế Tuấn và nhóm tác giả (2011)[5] và Bùi Quang Bình (2010) [2].

Về số liệu của nghiên cứu: Các số liệu được tổng hợp từ Niên giám thống kê của tỉnh Trà Vinh các năm như 2005, 2010 và 2017. Các số liệu thống kê gồm giá trị sản xuất, giá trị gia tăng, lao động, vốn đất đai... của nông nghiệp theo nghĩa hẹp. Các số liệu về giá trị được tính bằng giá hiện hành và giá so sánh 2010, số lao động tính bằng người, các đơn vị hiện vật của nông nghiệp tính theo quy định thống kê.

IV. Kết quả nghiên cứu

1. Đặc điểm về địa bàn nghiên cứu

Trà Vinh ở vị trí nằm giữa hai con sông Tiền (Cổ Chiên) và sông Hậu, một mặt giáp biển (dài 65km), nơi có 2 cửa sông (Cung Hầu và Định An) được xem là 2 cửa sông quan trọng thông thương đồng bằng sông Cửu Long với biển Đông, nối với cả nước và quốc tế. Do vậy, Trà Vinh ở vào địa thế có tầm quan trọng về kinh tế và quốc phòng đối với đồng bằng sông Cửu Long. Đây là lợi thế về giao thông thủy và kinh tế biển mà các tỉnh khác không có được. Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 2.341,2 km². Dân số của tỉnh Trà Vinh khoảng 1.040.500 người là tỉnh có dân số thấp trong vùng ĐBSCL, đứng thứ 11/13 tỉnh thành, thấp gần bằng 1/2 của tỉnh đông dân nhất là tỉnh An Giang. Trong 6 năm từ năm 2010 đến năm 2016 chỉ tăng khoảng xấp xỉ 32 ngàn người (tương đương bình quân 1 năm tăng 5.200 người). Tỷ lệ dân số đô thị còn thấp và tăng chậm, năm 2010 tỷ lệ dân số thành thị chiếm 15,39% đến năm 2016 đã tăng lên 18,51%. Kinh tế tiếp tục phát triển, đạt mức tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011-2015 giá so sánh năm 2010 tăng 8,46%, năm 2016 là 10,26%, đây là tốc độ tăng trưởng khá cao so với cả nước và trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long (chỉ sau tỉnh Long An, tăng 8,7%). Trong thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2016, kinh tế Trà Vinh có sự chuyển dịch tích cực từ việc giảm cơ cấu kinh tế của khu vực nông - lâm - thủy sản sang gia tăng khu vực công nghiệp xây dựng và dịch vụ. Giá trị GRDP/người: Trong 6 năm từ năm 2011 đến năm 2016, giá trị GRDP bình quân trên đầu người luôn tăng, năm 2016 cao gấp 2,4 lần năm 2010, đạt xấp xỉ 36 triệu đồng/người. Những đặc điểm này ảnh hưởng rất lớn tới cơ cấu và CDCC nông nghiệp tỉnh Trà Vinh.

2. Xu thế thay đổi cơ cấu nông nghiệp chung tỉnh Trà Vinh

GTSX nông nghiệp đã có sự chuyển dịch nhưng vẫn chậm, chất lượng chưa cao. Quá trình chuyển dịch diễn ra mạnh hơn trong hai giai đoạn đầu và chậm lại giai đoạn cuối. Trong GTSX ngành nông nghiệp, GTSX của ngành trồng trọt có tỷ trọng cao nhất, tiếp đó là ngành chăn nuôi và cuối cùng là ngành dịch vụ. Số liệu Bảng 1 cho thấy tỷ trọng GTSX của ngành trồng trọt luôn chiếm hơn 70%

và hiện là 70.2%, của ngành chăn nuôi là 17.3% và ngành dịch vụ là 12.6%. Sự thay đổi cơ cấu trong ngành trồng trọt theo GTSX diễn ra không lớn lắm. Tỷ trọng GTSX của ngành trồng trọt năm 1991 là 79.1%, năm 2000 là 76.0%, năm 2010 là 71.3% và năm 2016 là 70.2%. Như vậy, tỷ trọng của ngành này giảm dần trong cả 3 giai đoạn. Giai đoạn 1991-2000, tỷ trọng GTSX của ngành này trong GTSX nông nghiệp giảm 3.1%, giai đoạn 2001-2010 giảm 4.6%, giai đoạn 2011-2016 là 1.2%, tính chung là giảm 8.9%. Sự thay đổi tỷ trọng GTSX của ngành chăn nuôi trong GTSX chung tăng trong hai giai đoạn đầu và giảm ở giai đoạn sau. Cụ thể, giai đoạn 1991-2000 tỷ trọng GTSX của ngành này trong GTSX nông nghiệp tăng 0.7%, giai đoạn 2001-2010 tăng 3.6%, giai đoạn 2011-2016 giảm 0.8%, tính chung là tăng 3.5%. Sự thay đổi này hoàn toàn phù hợp với xu thế tăng trưởng GTSX của ngành chăn nuôi trong những năm qua. Điều này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Lê Quốc Doanh và các tác giả (2006) [3] ở Việt Nam. Bảng 1.

Ngành dịch vụ có GTSX chiếm thấp nhất trong GTSX ngành nông nghiệp nhưng tăng dần trong suốt những năm qua. Giai đoạn 1991-2000, tỷ trọng GTSX của ngành dịch vụ này trong GTSX nông nghiệp đã tăng 2.4%, giai đoạn 2001-2010 tăng 1%, giai đoạn 2011-2016 là 2%, tính chung là tăng 5.4%. Sự thay đổi này hoàn toàn phù hợp với xu thế tăng trưởng GTSX của dịch vụ trong những năm qua như phần trên đã mô tả. Đồng thời cũng cho thấy tiềm năng lớn để chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển dịch vụ nhiều hơn. Tất cả diễn biến trên thể hiện chất lượng chuyển dịch cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp chưa cao và thể hiện qua hệ số cosφ và góc φ trên bảng 1. Trong hai giai đoạn đầu, hai biến số này có trị số tăng dần và sau đó giảm dần ở giai đoạn cuối. Tính chung trong gần 30 năm qua, góc chuyển dịch cơ cấu φ chỉ đạt hơn 6 độ. Sự CDCC ngành nông nghiệp chậm này đã ảnh hưởng tới sự phát triển chung của ngành nông nghiệp tỉnh.

Cơ cấu lao động trong ngành nông nghiệp những năm qua đã có những thay đổi, lao động

Bảng 1. Chuyển dịch cơ cấu GTSX nông nghiệp

(Đơn vị: % và độ)

	1991	2000	2010	2016	1991-2000	2001-2010	2011-2016	1991-2016
Trồng trọt	79.1	76.0	71.3	70.2	-3.1	-4.6	-1.2	-8.9
Chăn nuôi	13.8	14.5	18.1	17.3	0.7	3.6	-0.8	3.5
Dịch vụ	7.2	9.5	10.6	12.6	2.4	1.0	2.0	5.4
cosφ					0.9993	0.9980	0.9995	0.9942
φ					2.13	3.59	1.74	6.17

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Cục Thống kê Tỉnh Trà Vinh và Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Trà Vinh)

Bảng 2. Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp của tỉnh Trà Vinh

(Đơn vị: %)

	1991	2000	2010	2016	2000-1991	2010-2000	2016-2010	2016-1991
Trồng Trọt	82.2	78.2	74.2	71.2	-4	-4	-3	-11
Chăn nuôi	12.8	16.1	18.4	19.6	3.3	2.3	1.2	6.8
Dịch vụ	5.0	5.7	7.4	9.2	0.7	1.7	1.8	4.2

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Cục Thống kê Tỉnh Trà Vinh)

dịch chuyển từ trồng trọt sang chăn nuôi và dịch vụ. Tuy nhiên, phần lớn lao động nông nghiệp vẫn làm việc trong ngành trồng trọt. Nếu năm 1991 tỷ lệ lao động ngành trồng trọt là 82.2% giảm dần còn 71.2% năm 2016, giảm 11%. Trong thời gian này, tỷ trọng lao động ngành chăn nuôi tăng 6.8% từ mức 12.8% năm 1991 lên mức 19.6% năm 2016. Với ngành dịch vụ, tỷ lệ tăng 4.2%, từ mức 5% năm 1991 lên 9.2% năm 2016. Xu thế này phù hợp với kết luận của A. Fisher (1935) [7]. Bảng 2.

Kết hợp với cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp đã trình bày ở phần trên với tình hình cơ cấu lao động đã thể hiện sự khác biệt nhất định trong quá trình thay đổi cơ cấu. Chuyển dịch lao động dường như chậm hơn so với thay đổi cơ cấu GTSX nông nghiệp.

3. Xu thế CDCC nội bộ ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh

3.1. Với ngành trồng trọt

Theo cách phân chia của Tổng cục Thống kê Việt Nam, trong ngành trồng trọt chia thành 2 nhóm cây chính, cây lâu năm và cây hàng năm. Quy mô mỗi loại cây này tùy thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên của địa phương. Trong điều kiện của tỉnh Trà Vinh, số liệu thống kê Bảng 3 cho thấy tỷ trọng GTSX của cây hàng năm luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong GTSX ngành trồng trọt, hiện vẫn gần 74%, trong khi tỷ trọng GTSX của cây lâu năm chỉ chiếm hơn 26%. Từ năm 2001 đến năm 2016, cơ cấu cây trồng của tỉnh đã có sự thay đổi nhất định nhưng nhìn chung vẫn chậm. Nếu năm 2001, tỷ trọng của cây hàng năm trong GTSX ngành trồng trọt là 81.2%, năm 2010 là 78.2%

(giảm 3%), và năm 2016 là 73.93% (giảm 4.27%). Tính riêng tỷ trọng của cây lúa khá cao nhưng đã giảm khá nhanh. Tính chung từ năm 2001 đến năm 2016, tỷ trọng của cây hàng năm trong GTSX ngành trồng trọt giảm 7.27%. Cùng trong thời gian này, tỷ trọng của cây lâu năm trong GTSX ngành trồng trọt tăng 7.27%. Sự thay đổi chậm của cơ cấu ngành trồng trọt còn thể hiện qua hai chỉ tiêu phản ánh chất lượng chuyển dịch cơ cấu. Đó là $\cos\varphi$ và φ , với giá trị trong 16 năm qua là 0.999986 và 0.301665 độ. Bảng 3.

3.2. Với ngành chăn nuôi (Bảng 4).

Phần tiếp theo sẽ xem xét tình hình cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu ngành chăn nuôi. Số liệu thống kê cho thấy tỷ trọng của chăn nuôi gia súc chiếm chủ yếu trong GTSX ngành chăn nuôi, hiện đã chiếm hơn 75%, trong khi gia cầm chiếm tỷ trọng nhỏ dần và hiện chiếm gần 25%.

Từ năm 2001 đến năm 2016, cơ cấu ngành chăn nuôi của Tỉnh đã có sự thay đổi nhất định, nhìn chung khá nhanh. Bảng 4 cho thấy nếu năm 2001, tỷ trọng của chăn nuôi gia súc trong GTSX ngành trồng trọt là 48.8%, thì năm 2010 là 73.37%, và năm 2016 là 75.7%. Tính chung từ năm 2001 đến năm 2016, tỷ trọng của chăn nuôi gia súc trong GTSX ngành chăn nuôi giảm 26.9%. Cùng trong thời gian này, tỷ trọng của cây lâu năm trong GTSX ngành trồng trọt tăng 26.9%. Hệ số $\cos\varphi$ và góc chuyển dịch cơ cấu φ trong 16 năm không lớn lắm, nếu $\cos\varphi$ là 0.999914 và góc φ là 0.752664 độ. Điều này cho thấy chất lượng chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi chưa cao. Điều này cũng tương tự kết quả của nghiên cứu Lê Quốc Doanh và các tác giả (2006) [3].

Bảng 3. Chuyển dịch cơ cấu GTSX trong nội bộ ngành trồng trọt

(Đơn vị: % và độ)

	2001	2010	2016	2001-2010	2011-2016	2001-2016
Cây hàng năm	81.2	78.2	73.93	-3	-4.27	-7.27
Cây lâu năm	18.8	21.8	26.07	3	4.27	7.27
$\cos\varphi$	0.999998	0.999995	0.999986			
φ	0.126778	0.174938	0.301665			
Tỷ trọng của cây lúa trong GTSX ngành trồng trọt						
Cây lúa	60.3	52.2	39.03	-8.1	-13.17	-21.27

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Cục Thống kê Tỉnh Trà Vinh và Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Trà Vinh)

Bảng 4. Chuyển dịch cơ cấu GTSX trong nội bộ ngành chăn nuôi

(Đơn vị: % và độ)

Chăn nuôi	2000	2010	2016	2001-2010	2011-2016	2001-2016
Gia súc	48.8	73.37	75.7	24.57	2.33	26.9
Gia cầm	51.2	26.63	24.3	-24.57	-2.33	-26.9
cosφ	0.999927	0.999999	0.999914			
φ	0.692746	0.059932	0.752664			

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Cục Thống kê Tỉnh Trà Vinh và Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Trà Vinh)

3.4. Xu thế CDCC nông nghiệp theo vùng lãnh thổ tỉnh Trà Vinh

Cơ cấu GTSX nông nghiệp theo lãnh thổ đang có sự dịch chuyển để hình thành các vùng tập trung sản xuất lớn hơn, tuy nhiên sự thay đổi còn chậm tính phân tán còn khá cao. Số liệu thống kê Bảng 5 cho thấy, theo vùng lãnh thổ thì dường như nông nghiệp tập trung ở 6 huyện trừ thành phố Trà Vinh và huyện Duyên Hải. Trong 6 huyện này, tỷ trọng GTSX của 3 huyện Càng Long, Cầu Kè và Trà Cú, với tỷ lệ lần lượt là 20.24%, 19.41 và 15.27%. Sự thay đổi tỷ trọng GTSX của từng huyện trong GTSX ngành nông nghiệp khá rõ. Tỷ trọng GTSX của huyện Càng Long tăng từ 17% năm 2001 lên 18.22% năm 2010 và 20.24% năm 2016, tức tăng 3.18%. Với huyện Cầu Kè tăng được 6.41% từ 13% năm 2001 lên 19.41% năm 2016. Điều này hàm ý rằng sản xuất nông nghiệp đang dần dần hình thành vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ở

tỉnh Trà Vinh và tương tự như kết quả nghiên cứu của Lê Xuân Bá và các cộng sự (2006) [4].

Nếu xem xét tỷ trọng đất sản xuất nông nghiệp theo vùng lãnh thổ như bảng 6 sẽ thấy được xu hướng phân bố. Đất nông nghiệp được phân bố không tập trung quá nhiều vào địa phương nào, trừ thành phố Trà Vinh và huyện Duyên Hải thì các huyện còn lại khoảng từ 13 đến hơn 17%. Một số huyện có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn nhất so với cả tỉnh ở thời điểm 2016 là Huyện Càng Long với 16.6% diện tích, huyện Châu Thành là 17.25% và huyện Trà Cú 17.05%. Các huyện còn đều trên 13%. Như vậy, xu thế này khá phân tán và khó để tập trung sản xuất, khác với kết quả nghiên cứu của Lê Xuân Bá và các cộng sự (2006) [4].

V. Kết luận và hàm ý chính sách

Từ những phân tích trên, có thể rút ra những kết luận và hàm ý chính sách sau:

Thứ nhất, trong sản xuất nông nghiệp vai trò

Bảng 5. Chuyển dịch cơ cấu GTSX nông nghiệp theo vùng lãnh thổ tỉnh Trà Vinh

(Đơn vị: %)

	2001	2010	2016	2001-2010	2011-2016
TP Trà Vinh	3.45	2.31	1.83	-1.14	-0.48
Huyện Càng Long	17.06	18.22	20.24	1.16	2.02
Huyện Cầu Kè	13	15.31	19.41	2.31	4.10
Tiểu Cần	11.9	12.3	13.92	0.4	1.62
Châu Thành	17	16.01	12.62	-0.99	-3.39
Cầu Ngang	13.1	12.25	14.46	-0.85	2.21
Trà Cú	19.9	19.42	15.27	-0.48	-4.15
Duyên Hải*	4.59	4.18	2.25	-0.41	-1.93

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Cục Thống kê Tỉnh Trà Vinh và Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Trà Vinh)
(* bao gồm cả huyện Duyên Hải và TX Duyên Hải vì tách từ 2015)

Bảng 6. Tỷ lệ phân bố đất sản xuất đất nông nghiệp theo huyện thị của tỉnh Trà Vinh

(Đơn vị: ha)

	2000	2010	2016	Thay đổi		
				2010/2000	2016/2010	2016/2000
TP Trà Vinh	2.60	2.51	2.51	-0.09	0.00	-0.09
Huyện Càng Long	16.29	16.35	16.60	0.06	0.25	0.31
Huyện Cầu Kè	12.84	13.39	13.59	0.55	0.19	0.75
Tiểu Cần	12.69	13.24	13.46	0.55	0.22	0.77
Châu Thành	18.21	17.05	17.25	-1.17	0.20	-0.97
Cầu Ngang	12.89	13.41	13.47	0.51	0.06	0.57
Trà Cú	17.98	17.47	17.05	-0.51	-0.42	-0.94
Duyên Hải	6.49	6.58	4.42	0.09	-2.17	-2.07
Thị Xã Duyên Hải	0.00	0.00	1.67	0.00	1.67	1.67

(Nguồn: Xử lý từ số liệu của Cục Thống kê Tỉnh Trà Vinh và Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Trà Vinh)

của ngành trồng trọt rất lớn và tiếp tục trong tương lai, vai trò của chăn nuôi và dịch vụ chưa được phát huy nếu xét trên góc độ đầu vào lẫn đầu ra. Cơ cấu nông nghiệp đã có sự chuyển dịch nhất định nhưng vẫn chậm, chất lượng chưa cao. Quá trình chuyển dịch diễn ra mạnh hơn trong hai giai đoạn đầu và chậm lại giai đoạn cuối.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt tuy diễn ra liên tục nhưng chậm và chất lượng chưa cao. Điều này cho thấy dự địa phát triển cây hàng năm rất hạn chế trong khi chưa phát huy được thế mạnh của cây lâu năm đặc biệt là cây ăn quả và công nghiệp. Cơ cấu ngành chăn nuôi đã có sự thay đổi theo chiều hướng tăng nhanh của chăn nuôi gia súc so với gia cầm nhưng đang chậm dần và chất lượng chưa cao.

Thứ ba, sản xuất nông nghiệp được phân bố khắp các huyện của tỉnh và đang có xu thế thay đổi từng bước hình thành các vùng tập trung sản xuất lớn hơn, tuy nhiên sự thay đổi còn chậm tính phân tán còn khá cao nhất là nguồn lực.

Những đánh giá trên là cơ sở đưa ra các hàm ý chính sách cho quá trình CDCC nông nghiệp trong thời gian tới, để thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp là tập trung nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và chất lượng sản phẩm. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, Tập trung khai thác và tận dụng tối lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; xây dựng

và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao; từng bước đạt các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến về an toàn vệ sinh thực phẩm; kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, với chuỗi giá trị toàn cầu đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới; lúa gạo, các loại hải sản khác, các loại rau, quả nhiệt đới....

Thứ hai, Hoàn thiện thể chế cho phát triển nông nghiệp theo định hướng thị trường; đổi mới và phát triển hệ thống quản lý và hệ thống tổ chức sản xuất - kinh doanh.

Thứ ba, Phát triển nông nghiệp phải bảo đảm tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế và giảm nghèo;

Thứ tư, Phát triển nông nghiệp hướng tới thực hiện các mục tiêu ưu tiên về phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng;

Thứ năm, Phát triển nông nghiệp phải giảm thiểu tác động bất lợi về môi trường do việc khai thác các nguồn lực cho sản xuất nông lâm thủy sản; tăng hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên; quản lý và sử dụng hiệu quả, an toàn các loại hóa chất, thuốc trừ sâu, chất thải từ chăn nuôi, trồng trọt, công nghiệp chế biến và làng nghề; bảo tồn đa dạng sinh học ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bùi Quang Bình (2010), Chuyên dịch cơ cấu kinh tế và phục hồi tăng trưởng kinh tế Việt Nam, Tạp chí Phát triển Kinh tế số 233, tháng 3/2010.*
2. *Bùi Quang Bình (2010), Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam nhìn từ góc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế", Tạp chí Khoa học & Công nghệ, số 5 (40), 2010.*
3. *Lê Quốc Doanh và các cộng sự (2006), "Nghiên cứu luận cứ để CDCCKT nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH". Đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước 2001-2005.*
4. *Lê Xuân Bá và các cộng sự (2006), "Các yếu tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn ở Việt Nam" NXB Khoa học Xã hội 2006.*
5. *Nguyễn Kế Tuấn và nhóm tác giả (2011), Kinh tế Việt Nam năm 2010: Nhìn lại mô hình tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2010.*
6. *Vũ Tuấn Anh, Một số vấn đề lý luận về cơ cấu nền kinh tế quốc dân, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 2/1982.*
7. *Fisher A.G.B., The clash of progress and security, London, Macmillan, 1935. Clark c., The conditions of economic progress, London, Macmillan, 1940.*

Ngày nhận bài: 24/1/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/2/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 14/2/2019

Thông tin tác giả:

VÕ THẾ TRƯỜNG

NCS. Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng

**THE AGRICULTURAL STRUCTURE OF TRA VINH PROVINCE:
CHANGES AND POLICY IMPLICATIONS**

● Ph.D's student **VO THE TRUONG**
Da Nang University of Economics

ABSTRACT:

This study focuses on evaluating the process of agricultural structural shift of Tra Vinh Province and proposes policy implications to promote this process. The descriptive statistical analysis methods with statistics of Tra Vinh Province were used to achieve the study's objectives. The study's results show that the agricultural structure of Tra Vinh Province has been shifted but the results of this shift are still low quality. In addition, the territorial structure of Tra Vinh Province's agricultural industry is changing positively with the gradual establishment of larger focusing production areas. However, the pace of this change is slow while the dispersion of this change is still quite high, especially in terms of resources.

Keywords: Agricultural structure, agricultural restructuring, territorial structure.